

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (HOSE: BID)



GIỮ, Giá mục tiêu: 40,900 VND (upside: 5%)

Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan trong 9 tháng đầu năm 2022, động lực chính đến từ khoản thu nhập lãi thuần tăng 15.5% so với 9 tháng đầu năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 14,000 tỷ đồng, tăng 68% so với 9 tháng đầu năm 2021. Định giá cổ phiếu ở mức 40,900 đồng/cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị GIỮ cổ phiếu BID.

Thông tin cập nhật

Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan. Tổng thu nhập hoạt động 9 tháng đầu năm tăng 10% so với 9 tháng đầu năm ngoái, với động lực chính đến từ khoản thu nhập lãi thuần tăng 15.5% so với cùng kỳ. Ngoài ra, trước diễn biến phức tạp trên thị trường chứng khoán năm 2022, thu nhập ngoài lãi giảm 7% so với 9T2021, chủ yếu do khoản lỗ ghi nhận ở mảng hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán.

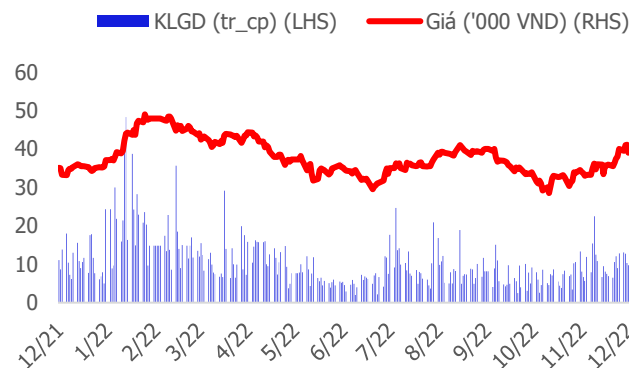
Chất lượng tài sản cải thiện. Tỷ lệ nợ xấu giảm 6% svck, ở mức 1.35%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 đạt 1.25%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 214%.

NIM duy trì ở mức ổn định nhờ giảm chi phí vốn cũng như đẩy mạnh cho vay bán lẻ.

Ngân hàng có tổng tài sản vượt mốc 2 triệu tỷ đồng, tăng 16.3% so với đầu năm, và cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đạt quy mô này. Tổng dư nợ tín dụng tăng 10.1% trong năm nay, đạt 1,507 nghìn tỷ đồng (đã bao gồm khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp)

Định giá cổ phiếu: Tại mức giá hiện tại 39,000 đồng/ cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị GIỮ với cổ phiếu BID, với giá mục tiêu sau 12 tháng là 40,900 đồng/ cổ phiếu theo phương pháp kết hợp R/I và P/B.

BIẾN ĐỘNG GIÁ



Ngày báo cáo	8/12/22
Giá hiện tại	VND 39,000
Giá mục tiêu	VND 40,900
Tăng/giảm	4.9%
Bloomberg	BID VN EQUITY
Vốn hoá thị trường	197,282 tỷ đồng
Biến động 52 tuần	VND 28,500
	VND 49,000
KLGD trung bình	2,062,540

	1T	3T	9T	12T
BID	14.5%	-2.5%	-18.7%	11.2%
VN INDEX	0.2%	-19.1%	-29.9%	-30.2%

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tổng thu nhập hoạt động	Tỷ đồng	62,494	70,335	76,520	86,271	97,085
Lợi nhuận trước thuế và chi phí	Tỷ đồng	43,028	49,796	54,685	63,131	72,507
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		16%	10%	15%	15%
Chi phí dự phòng	Tỷ đồng	29,481	27,097	22,121	20,001	20,986
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		-8%	-18%	-10%	5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,548	22,699	32,564	43,129	51,522
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		68%	43%	32%	19%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,841	18,159	26,051	34,504	41,217
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		68%	43%	32%	19%
EPS (cơ bản)	đồng	2,084	3,530	5,090	6,761	8,089
BVPS	đồng	17,066	20,609	25,712	32,487	40,582
ROAA	%	0.6%	0.9%	1.1%	1.4%	1.5%
ROEA	%	12.2%	17.1%	19.8%	20.8%	19.9%
P/E	lần	18.7	11.0	7.7	5.8	4.8
P/B	lần	2.29	1.89	1.52	1.20	0.96

GIỮ, Giá mục tiêu: 40,900 VND (upside: 5%)

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 9T 2022

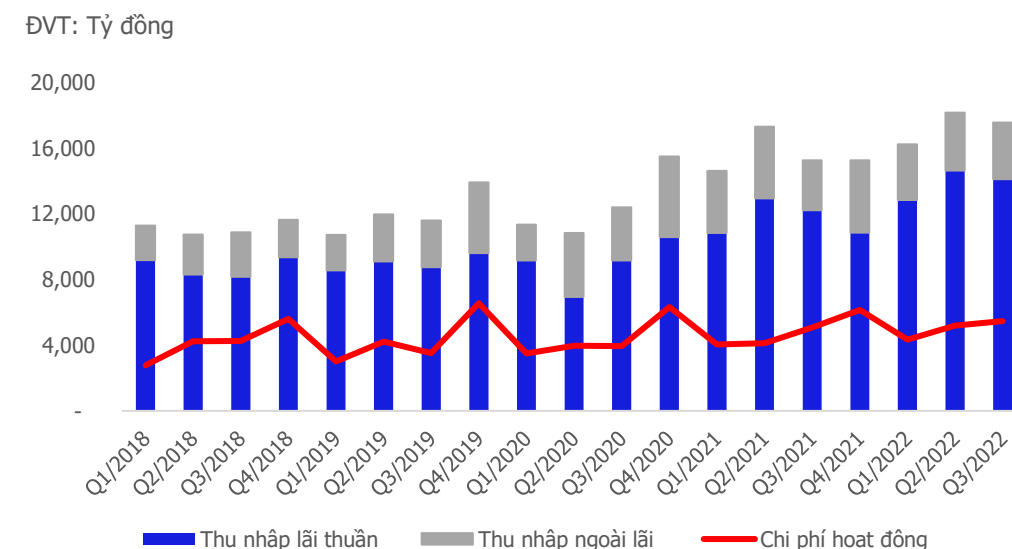
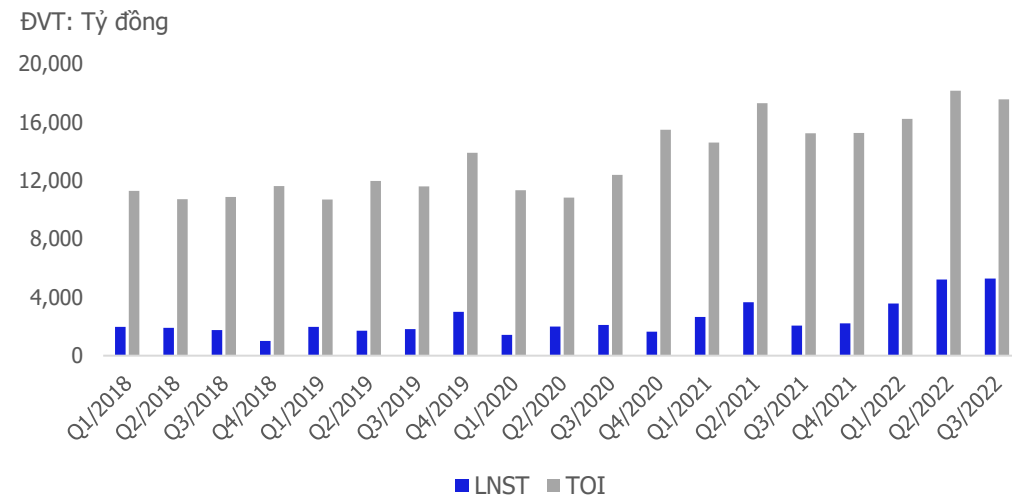
Trong quý 3, BID ghi nhận gần **6,700** tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng **150%** so với cùng kỳ (svck). Trong đó, khoản thu nhận lãi thuần tăng **15.5%**, lên hơn **14,000** tỷ đồng. Thu nhập ngoài lãi tăng **13.6%** svck, đạt gần **3,500** tỷ đồng.

Lũy kế đến ngày 30/9/2022, BID ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt hơn **17,700** tỷ đồng, tăng trưởng hơn **65%** svck, và hoàn thành hơn **86%** kế hoạch đã đề ra cho năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn **14,000** tỷ đồng, tăng **68%** svck.

Thu nhập lãi thuần 9 tháng đầu năm tăng **15.5%** svck, đạt trên **41,500** tỷ đồng. Về mảng thu nhập ngoài lãi, 9 tháng đầu năm ghi nhận gần **10,400** tỷ đồng, giảm **7%** svck. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giảm **11.6%** svck, ghi nhận hơn **4,200** tỷ đồng. Tuy nhiên, trước diễn biến không thuận lợi từ thị trường chứng khoán Việt Nam từ đầu năm nay, ngân hàng ghi nhận khoản lỗ lũy kế khoảng hơn **60** tỷ đồng (-**111%** svck) đến từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Chi phí hoạt động cũng tăng **13%** svck, gần **15,000** tỷ đồng.

Điểm nổi bật là chi phí trích lập dự phòng của doanh nghiệp trong quý 3 năm nay. Trong quý 3 đầu năm nay, ngân hàng trích lập **5,400** tỷ đồng, giảm **27.6%** svck. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của ngân hàng được trích lập **19,200** tỷ đồng, giảm **17%** svck. Điều này phù hợp với nhận định và chia sẻ đến từ phía công ty từ trước đó. Được biết, doanh nghiệp đã chủ động trích lập dự phòng 100% cho nợ covid trong các quý trước đó. Việc chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm với 2,000 tỷ đồng svck, là một trong những nguyên nhân giúp LNTT của ngân hàng tăng mạnh trong quý 3.

KẾT QUẢ KINH DOANH



GIỮ, Giá mục tiêu: 40,900 VND (upside: 5%)

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

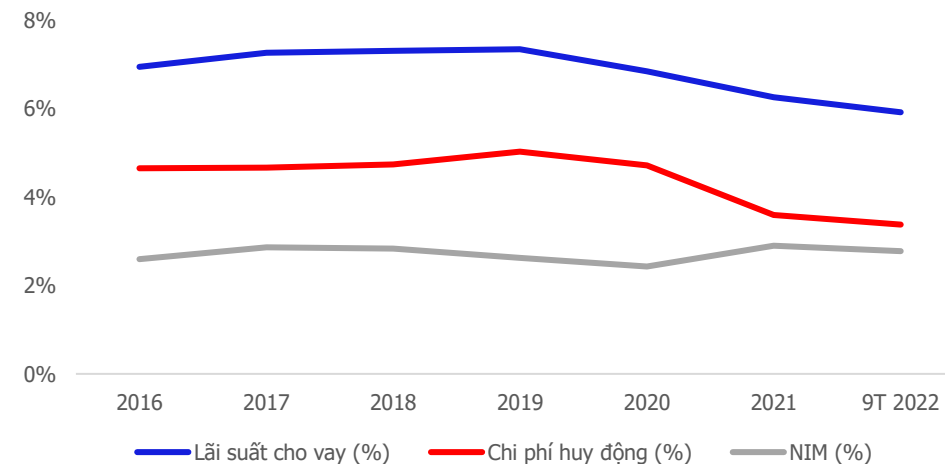
NIM vẫn duy trì ổn định dù lãi suất huy động tăng

- Trong quý 3, NIM của ngân hàng tiếp tục duy trì **2.78%** so với quý 2 trước đó, nhờ tỷ lệ lợi tức sinh lãi (YEA) tăng và bù đắp vào sự gia tăng của chi phí vốn huy động (COF) trong thời gian qua.
- Do thời điểm tăng lãi suất mạnh nhất rơi vào đầu quý 4 cùng với độ trễ của kỳ hạn huy động nên việc lãi suất huy động tăng lên tại các ngân hàng vẫn chưa phản ánh hết vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Điều này sẽ là yếu tố tác động tiêu cực đến chi phí huy động vốn của ngân hàng và có thể làm giảm chỉ số NIM trong thời gian tới. Tuy nhiên, với vị thế của một NHTM có vốn nhà nước và có tổng tài sản nằm trong top các ngân hàng toàn ngành, NIM của BID được dự tính sẽ tiếp tục duy trì ổn định trước xu hướng này.
- Tăng trưởng tín dụng trong năm nay của BIDV là **10.7%**. Tới cuối quý 3, tín dụng của ACB tăng **10.1%**, như vậy ngân hàng vẫn còn khoảng **0.6%** tương đương với hơn **7,600** tỷ đồng trong quý 4.

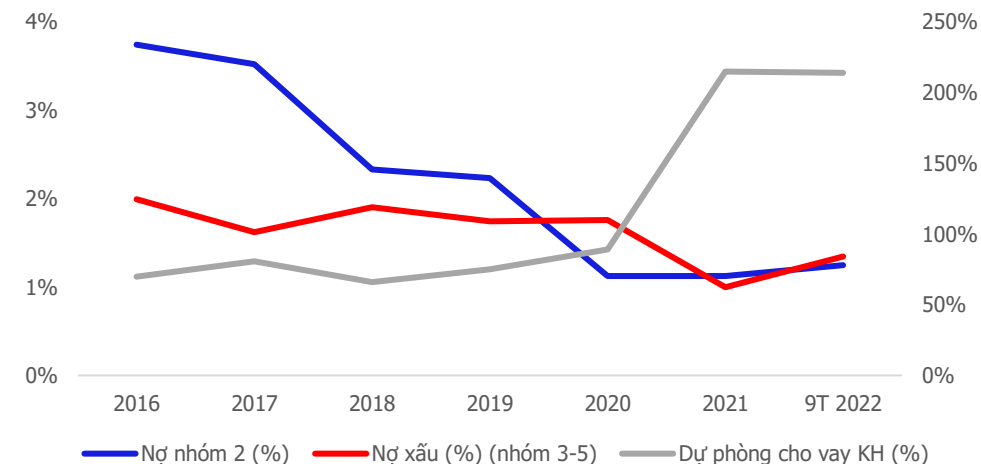
Chất lượng tài sản ngày càng lành mạnh

- Tổng nợ xấu giảm **6%** svck còn **20,125** tỷ đồng, tương đương với **1.35%** tổng dư nợ cho vay. Tuy nhiên, nợ nhóm 5 cũng gây chú ý khi tăng **53%** so với quý 2/2022 và giảm nhẹ **5%** scvck, tương đương với **13,130** tỷ đồng. Tỷ lệ trang trải nợ xấu cho vay khách hàng đạt **222%**.
- Tính cuối quý 3/2022, quy mô tổng tài sản đạt **2,048,953** tỷ đồng, tăng **16%** so với đầu năm. Tổng dư nợ tín dụng của BIDV đạt **1,507,652** tỷ đồng (đã bao gồm khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp), tương đương với mức tăng trưởng **10.1%**, so với đầu năm.
- Trái phiếu doanh nghiệp hiện đạt gần **12,750** tỷ đồng, chiếm **0.8%** tổng dư nợ tín dụng của doanh nghiệp.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



KHẢ NĂNG QUẢN LÝ NỢ



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (HOSE: BID)

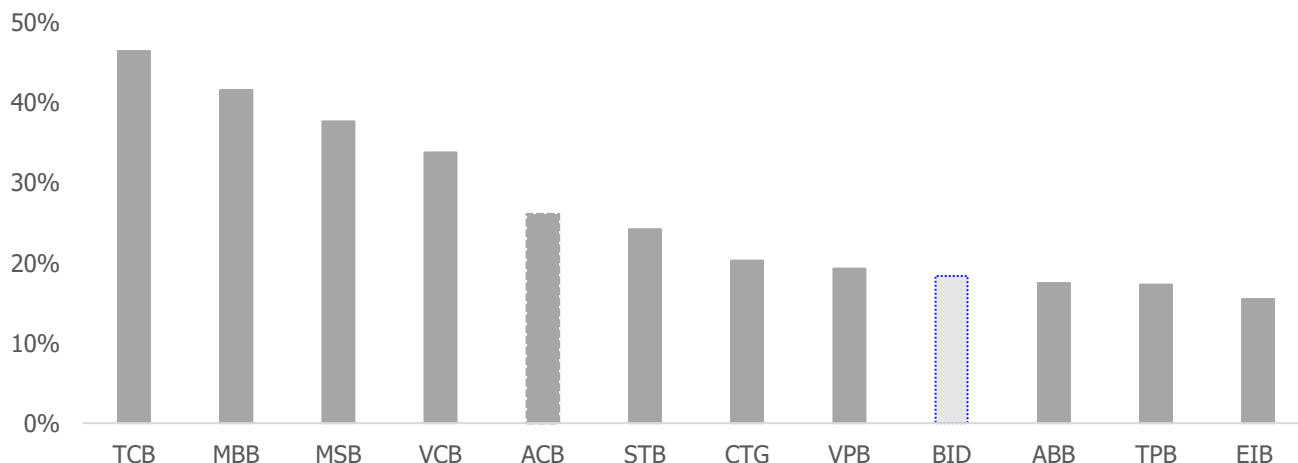
GIỮ, Giá mục tiêu: 40,900 VND (upside: 5%)

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Chất lượng tài sản ngày càng ổn định

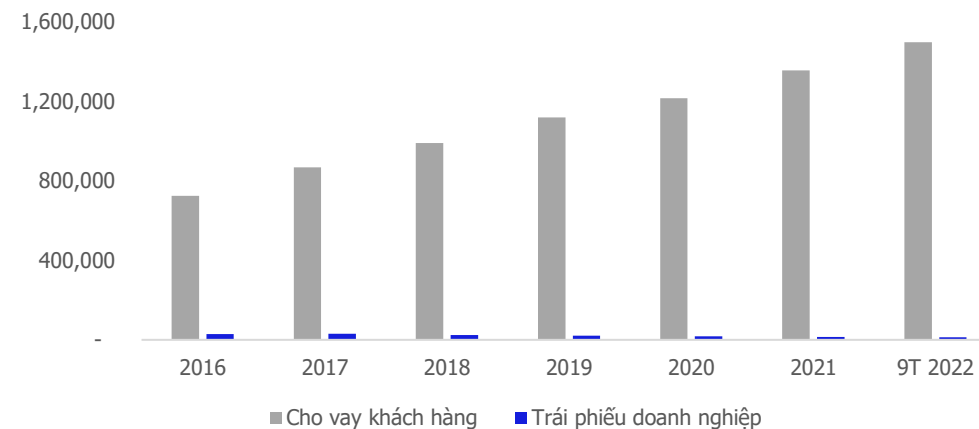
- Tổng vốn chủ sở hữu của BID tại ngày 30/9/2022 là 100,925 tỷ đồng, tăng **16.9%** so với đầu năm. Mức tăng này chủ yếu đến từ việc lợi nhuận chưa phân phối tăng gấp 2 lần so với đầu năm, do ngân hàng ghi nhận hiệu quả kinh doanh tăng trưởng tốt trong những tháng đầu năm.
- Tổng tiền gửi huy động từ khách hàng tại thời điểm quý 3 2022 tăng nhẹ **8%** svck và **2.5%** so với đầu năm 2022, đạt **1,414,224** tỷ đồng, trong đó huy động vốn bản lẻ tăng trưởng 4.9%. Cũng như các ngân hàng khác, tỷ lệ CASA của BID trong 9 tháng đầu năm có sự sụt giảm trước sự gia tăng của lãi suất huy động.

TỶ LỆ CASA CỦA CÁC NGÂN HÀNG 3Q/2022



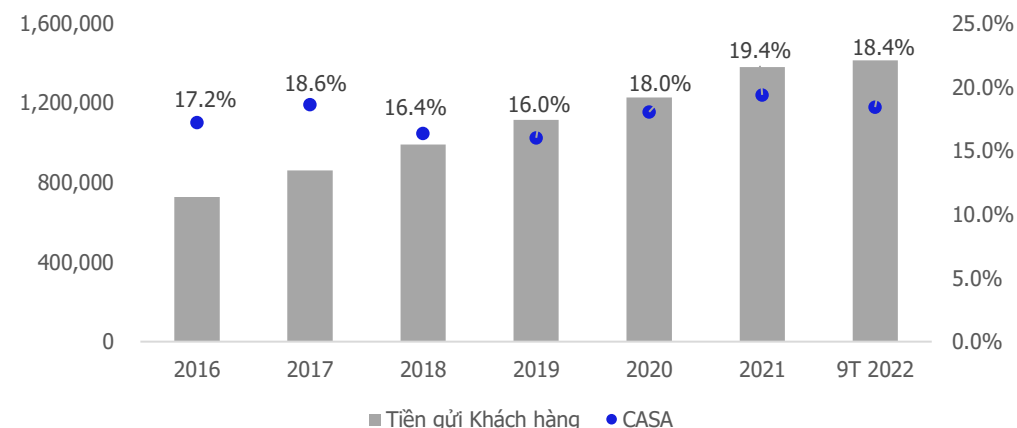
TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG HÀNG NĂM

ĐVT: Tỷ đồng



TỶ LỆ CASA VÀ TĂNG TRƯỞNG TIỀN GỬI

ĐVT: Tỷ đồng



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (HOSE: BID)

GIỮ, Giá mục tiêu: 40,900 VND (upside: 5%)

RỦI RO ĐẦU TƯ

Room tín dụng đang là vấn đề đối với toàn ngành khi Ngân hàng nhà nước chịu tác động bởi áp lực lạm phát toàn cầu mà trở nên thận trọng hơn trong việc nới room tín dụng. Ngoài ra, việc lãi suất huy động tăng trong thời gian qua được dự báo sẽ phản ánh rõ ràng hơn vào lợi nhuận và chi phí của ngân hàng trong thời gian tới.

Chính vì vậy, NIM của BID nói riêng và toàn ngành ngân hàng nói chung có thể suy giảm mạnh hơn dự kiến trong thời gian tới, tác động tiêu cực lên kết quả kinh doanh của ngân hàng.

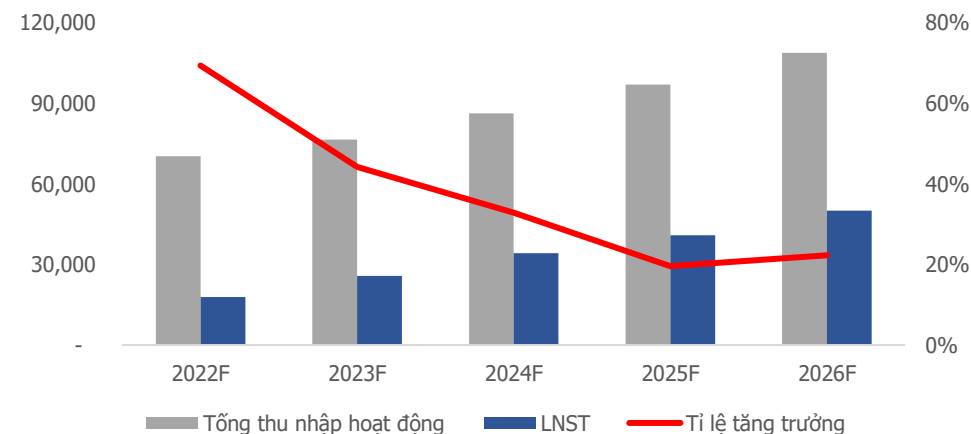
MÔ HÌNH DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi dự phóng:

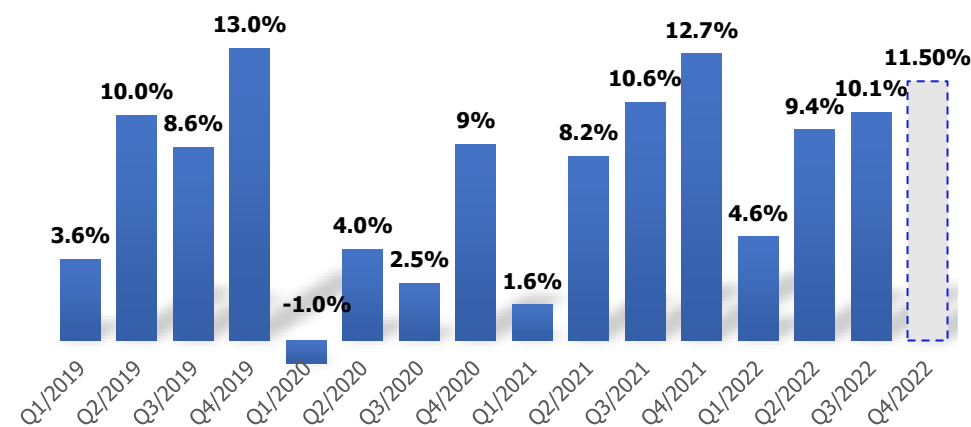
- TOI của BID trong năm 2022 và 2023 sẽ đạt lần lượt là gần 70,336 tỷ đồng (+13% yoy) và 76.520 nghìn tỷ đồng (+9% yoy)
- LNTT 2022F đạt 22,700 tỷ đồng (+68% yoy) và 2023F đạt 32,564 tỷ đồng (+43% yoy)
- Chi phí DPRRTD 2022F đạt 27 nghìn tỷ đồng (-8% yoy) và 2023F đạt 22,120 tỷ đồng (- 18% yoy)
- Thu nhập từ lãi dự tính đạt 76% tổng thu nhập hoạt động trong năm 2022 và 2023
- Chi phí hoạt động đạt 20,540 tỷ đồng trong năm 2022 (+5.5% yoy) và 21,835 tỷ đồng 2023F.
- Trước áp lực của việc tăng lãi suất huy động, chúng tôi cho rằng tỷ lệ CASA của BID trong năm 2022F và 2023F sẽ ở mức 17%/ năm

Tăng trưởng tín dụng được chúng tôi dự tính sẽ đạt mức 11.5% trong năm 2022. Tính đến hết quý 3 năm 2022, tăng trưởng tín dụng của BID đạt 10.1%. Như vậy, ngân hàng vẫn còn 1.4% tín dụng trong quý 4, tương đương với hơn 18,560 tỷ đồng.

MỨC TĂNG TRƯỞNG DOANH THU



MỨC TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (HOSE: BID)

KẾT QUẢ KINH DOANH	ĐVT	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	46,823	53,560	58,156	66,403	75,881
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	tỷ đồng	6,614	7,111	8,068	8,893	9,666
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	tỷ đồng	1,896	2,086	2,294	2,524	2,650
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	tỷ đồng	586	645	709	780	819
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	207	249	274	301	331
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	tỷ đồng	188	197	207	217	228
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	tỷ đồng	6,179	6,488	6,812	7,153	7,510
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	15,670	16,775	18,364	19,868	21,205
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	tỷ đồng	62,494	70,335	76,520	86,271	97,085
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	tỷ đồng	19,465	20,539	21,835	23,140	24,578
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước CF dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	43,028	49,796	54,685	63,131	72,507
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	29,481	27,097	22,121	20,001	20,986
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	tỷ đồng	13,548	22,699	32,564	43,129	51,522
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	2,706	4,540	6,513	8,626	10,304
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ	tỷ đồng	10,841	18,159	26,051	34,504	41,217
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	-	301	301	301	301
Cổ đông của Công ty mẹ	tỷ đồng	11,142	18,461	26,352	34,805	41,519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	đồng	1,729	-	-	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	tỷ đồng	12,661	23,517	15,321	22,450	39,265
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	tỷ đồng	68,851	86,577	78,238	120,193	184,294
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	tỷ đồng	135,940	266,551	243,639	194,581	193,768
Chứng khoán kinh doanh	tỷ đồng	6,069	1,450	4,505	3,389	4,673
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	tỷ đồng	192	192	192	192	192
Cho vay khách hàng	tỷ đồng	1,325,529	1,473,501	1,639,877	1,831,570	2,040,626
Hoạt động mua nợ	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	177,089	200,226	213,552	226,252	242,232
Góp vốn, đầu tư dài hạn	tỷ đồng	2,848	3,440	3,719	4,105	4,637
Tài sản cố định	tỷ đồng	10,741	11,045	11,921	12,466	13,101
Bất động sản đầu tư	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Tài sản Có khác	tỷ đồng	21,776	28,770	30,273	33,760	37,844
TỔNG TÀI SẢN	tỷ đồng	1,761,696	2,095,270	2,241,238	2,448,959	2,760,632
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	tỷ đồng	1,675,367	1,991,019	2,111,172	2,284,623	2,555,347
Các khoản nợ chính phủ và NHNN Việt Nam	tỷ đồng	25,340	110,894	68,604	50,046	62,250
Tiền gửi và vay các TCTD khác	tỷ đồng	98,007	180,618	145,120	135,965	172,416
Tiền gửi của khách hàng	tỷ đồng	1,380,398	1,542,406	1,719,096	1,906,613	2,104,264
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	tỷ đồng	14,350	16,246	17,846	19,910	22,206
Phát hành giấy tờ có giá	tỷ đồng	123,682	100,481	117,306	123,088	140,184
Các khoản nợ khác	tỷ đồng	33,590	40,374	43,199	49,001	54,028
VỐN CHỦ SỞ HỮU	tỷ đồng	86,329	104,251	130,066	164,335	205,285
Vốn điều lệ	tỷ đồng	65,145	65,145	65,145	65,145	65,145
Cổ phiếu quỹ	tỷ đồng	9,685	13,374	19,299	26,030	34,670
Vốn khác	tỷ đồng	368	368	368	368	368
Quỹ của tổ chức tín dụng	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	tỷ đồng	8,673	22,842	42,667	70,138	102,414
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	3,194	3,258	3,323	3,389	3,423
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	tỷ đồng	1,761,696	2,095,270	2,241,238	2,448,959	2,760,632

Nguồn: BID, MBS tổng hợp

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH THEO QUÝ	ĐVT	Quý 3 2021	Quý 3 2022	yoy
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	12,205	14,098	16%
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	3,042	3,456	14%
Tổng thu nhập hoạt động	tỷ đồng	15,247	17,555	15%
Chi phí hoạt động	tỷ đồng	5,071	5,452	8%
Lợi nhuận trước chi phí dự phòng	tỷ đồng	10,176	12,102	19%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	7,502	5,429	-28%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	2,674	6,673	150%
Tăng trưởng tín dụng so với đầu kỳ		10.6%	10.1%	
Tăng trưởng tiền gửi KH so với đầu kỳ		6.8%	2.5%	
Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động		33.3%	31.1%	

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tăng trưởng TS & LN						
TT về tài sản	%	16.15	18.93	6.97	9.27	12.73
TT dư nợ & đầu tư	%	14.33	11.68	10.49	10.74	10.83
TT tiền gửi của KH & Phát hành GTCG	%	16.60	9.23	11.78	10.53	10.58
TT LN trước chi phí dự phòng & thuế	%	33.03	15.73	9.82	15.45	14.85
TT lợi nhuận trước thuế	%	50.09	67.55	43.46	32.45	19.46
An toàn vốn						
Tổng nợ phải trả/Vốn CSH	lần	19.41	19.10	16.23	13.90	12.45
Vốn CSH/Tổng TS	%	4.90	4.98	5.80	6.71	7.44
Tổng TS/Vốn CSH	lần	0.20	0.20	0.17	0.15	0.13
Chất lượng TS						
Nợ xấu (nhóm 3-5)	%	1.00	0.83	1.20	1.01	1.01
Nợ nhóm 2	%	1.12	1.49	1.25	1.29	1.34
Dự phòng cho vay KH/ Nợ xấu	%	214.85	294.45	182.85	187.53	175.66
Thanh khoản						
Dư nợ/ vốn huy động	%	85.44	83.68	85.44	87.04	86.78
TS thanh khoản cao/ Tổng TS	%	12.35	17.99	15.06	13.78	15.13
TS thanh khoản cao/ Tiền gửi KH	%	15.76	24.44	19.63	17.70	19.84
Lợi nhuận						
ROA	%	0.60	0.85	1.15	1.40	1.48
ROE	%	12.21	17.13	19.80	20.81	19.93
NIM	%	2.90	2.81	2.72	2.87	2.97
Thu nhập lãi thuần/Tổng thu nhập hoạt động	%	74.92	76.15	76.00	76.97	78.16
Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động	%	31.15	29.20	28.54	26.82	25.32
Định giá						
EPS (cơ bản)	đồng	2,084	3,530	5,090	6,761	8,089
BVPS	đồng	17,066	20,609	25,712	32,487	40,582
P/E	lần	18.72	11.05	7.66	5.77	4.82
P/B	lần	2.29	1.89	1.52	1.20	0.96

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huỳnh Huynh.ChuThe@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Phạm Thùy Trang Trang.PhamThuy@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Thực phẩm – Đồ uống

Nguyễn Thành Công Cong1.NguyenThanh@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đinh Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 15\%$
GIỮ	Từ -15% đến $+15\%$
BÁN	$\leq -15\%$

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘ SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn